

**BẢNG PHÂN CÔNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC QUẢN LÝ - GIÁO VIÊN - NHÂN VIÊN
THÁNG 9. NĂM HỌC 2025 - 2026**


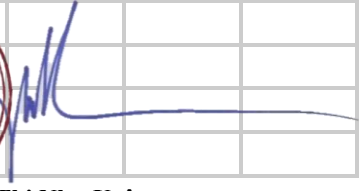
Địa chỉ: Số 12, Đường Nguyễn Huệ, Phường La Gi

Số điện thoại: 02523870574

1. Tổng số nhóm lớp: 13/13 Bán trú (03 nhóm NT, 10 lớp MG; TS trẻ: 392/199 nữ ; Trong đó: trẻ NT: 82; trẻ MG: 310; trẻ ST: 109

2. Tổng số VCQL, GV, NV: 43/ 42 nữ, Trong đó VCQL: 03; GV: 30; NV: 10 (Biên chế: 24: VCQL: 3; GV: 21)

ST T	Họ và tên	Ngày,tháng năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo			Chức vụ/ chức danh	Đang viên	Chức vụ kiêm nhiệm	Nhóm/ lớp	TS trẻ/nữ	Số buổi dạy/ ngày	KQ chuẩn nghề nghiệp	Các nhóm/ lớp đã dạy					Ghi chú
				TC	CD	ĐH								2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2025 - 2026	
1	Phan Thị Như Uyên	10/26/1980	1998			x	HT	x	BTCB				Khá						
2	Phan Thị Hồng Huệ	7/15/1980	2000			x	PHT	x	PBTCB				Khá						
3	Phạm Thị Linh Thảo	9/28/1981	2000			x	PHT	x	Chi ủy viên				Khá	5 - 6 (1)					
4	Trần Thị Thu	9/30/1970	1994			x	GV		TTCM	NT 25 -36th(1)	27/15	Bán trú	Khá	25 -36(1)	25 -36(1)	25 -36(1)	25 -36(1)	25 -36(1)	
5	Phạm Thị Kim Chi	13/09/1997	2018			x	GV	x							Khá				3 - 4(1)
6	Trương Thị Hồng Vân	12/11/1990	2016			x	GV	x		NT 25 -36th(2)	27/15	Bán trú	Khá	.4 -5(3)	.4 -5(2)	GVKPTC	3 - 4(1)	25 -36(2)	
7	Lưu Thị Cẩm Hương	7/11/1996	2020			x	GV	x							Khá	4 -5(2)	25 -36(2)	3 - 4(2)	GVKPTC
8	Lê Thị Quỳnh Quyên	9/11/1976	2002			x	GV	x		NT 25 -36th(3)	26/13	Bán trú	Khá	25 -36(2)	25 -36(2)	25 -36(2)	25 -36(2)	25 -36(3)	
9	Nguyễn Khoa Trúc Tiên	7/15/1995	2018			x	GV	x							Đạt	4 -5(2)	25 -36(1)	3 - 4(3)	4 - 5(2)
10	Nguyễn Vũ Ngọc Phượng	3/2/1999	2025			x	GV			MG 3-4T(1)	30/14	Bán trú						3 - 4(1)	
11	Nguyễn Thị Thái Ngân	6/15/1989	2009			x	GV	x							Khá	5 - 6T	5 - 6T	4 -5T	25 -36(2)
12	Lê Thị Trinh	1/3/1993	2017			x	GV	x	TTCM	MG 3-4T(2)	29/14	Bán trú	Tốt	5 - 6(2)	5 - 6(2)	3 - 4(2)	3 - 4(1)	3 - 4(2)	
13	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	25/02/1993	2013			x	GV												
14	Đoàn Thị Kim Dung	10/3/1988	2015			x	GV	x	TPCM	MG 3-4T(3)	29/14	Bán trú	Tốt	25 -36(1)	4 -5(3)	4 -5(2)	4 -5(2)	3 - 4(3)	
15	Cao Thị Mỹ Danh	12/10/1997	2024			x	GV								Khá				3 - 4(3)
16	Trương Thị Trà Giang	3/12/1975	1992		x		GV			MG	29/14	Bán trú	Khá	4 -5(3)	4 -5(3)	4 -5(3)	4 -5(3)	4 -5(1)	

ST T	Họ và tên	Ngày,tháng năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo			Chức vụ/ chức danh	Đăng viên	Chức vụ kiêm nhiệm	Nhóm/ lớp	TS trẻ/nữ	Số buổi dạy/ ngày	KQ chuẩn nghề nghiệp	Các nhóm/ lớp đã dạy					Ghi chú
				TC	CĐ	ĐH								2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2025 - 2026	
38	Nguyễn Thị Ngọc Quý	4/5/1983	2022				NV Nấu ăn												
39	Võ Thị Xuân Hương	2/2/1980	2023				NV Nấu ăn												
40	Nguyễn Thị Hồng	10/20/1970	2024				NV Nấu ăn												
41	Bùi Thị Linh	2/18/1984	2024				NV Nấu ăn												
42	Phạm Thị Thủy	4/12/1975	2025				NV Nấu ăn												
43	Trần Thị Kim Oanh	9/2/2000	2025				NV Nấu ăn												
* Điểm trường: 01 điểm:																			
* Gồm 13 nhóm lớp; 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng cụ thể:																			
Tổ nhà trẻ: 07 giáo viên; 01 VCQL sinh hoạt CM (có 1 hộ sản, thay 01 HĐTV)																			
Tổ MG 3 - 4 tuổi: 07 giáo viên; 01 VCQL sinh hoạt CM																			
Tổ MG 4 - 5 tuổi: 09 giáo viên																			
Tổ MG 5-6 tuổi: 07 giáo viên; 01 VCQL sinh hoạt CM (có 1 hộ sản)																			
Tổ nuôi dưỡng: 08 nhân viên nấu ăn																			
Tổ văn phòng: 05: 03 VCQL và 02 nhân																			
												Tân An, ngày 01 tháng 09 năm 2025							
												HIỆU TRƯỞNG							
																			
																			
												Phan Thị Như Uyên							